

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27-4-2021
V/v “Ly hôn, t/c về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Xuân Sơn

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Xuân Thập

2. Ông Nguyễn Văn A

*** Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đinh Thanh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị Hồng T, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Tổ 9B, Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị đơn:** Anh Lê Văn G, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Tổ 9B, Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt, anh G xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ và phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị Hồng T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh G tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh

Cà Mau và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 125, ngày 21/6/2017. Chị và anh G chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh G thường xuyên kiểm chuyện chửi bới, đánh đập chị. Chị đã cố gắng chịu đựng và chung sống đến tháng 11/2020 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị và anh G có 01 con chung tên là Lê Đăng Thành H, sinh ngày 24/01/2018. Hiện nay cháu H do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, chị xin nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo lời khai có tại hồ sơ, bị đơn anh Lê Văn G trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu thì anh và chị Đặng Thị Hồng T đã quyết định tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 125 – 01 - 2017, ngày 21/6/2017.

Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn bắt đầu về quan điểm sống, tính tình không hợp, chị T ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả vì không ai nhường ai nên mâu thuẫn cứ ngày càng trầm trọng, không có lối thoát. Từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, không còn tin tưởng nhau. Nay anh vẫn còn thương vợ nhưng chị T kiên quyết xin ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung tên là Lê Đăng Thành H, sinh ngày 24/01/2018. Hiện con chung do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn chị T xin được nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi cháu thì anh đồng ý.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Do anh bận việc nên anh xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Anh xin chấp hành mọi quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án, cam đoan không thắc mắc, khiếu nại gì về sau.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;

+ Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và đương sự: Chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh G đã có mâu thuẫn trầm trọng, chị T không còn tình cảm với anh G nên xin ly hôn, anh G đồng ý. Do đó, đề nghị cho chị T được ly hôn với anh G; Về con chung: Chị T và anh G có 01 con chung tên là Lê Đăng Thành H, sinh ngày 24/01/2018. Hiện con chung do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Đề nghị giao cháu H cho chị T nuôi dưỡng và anh G không phải chấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng, được tính trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Đặng Thị Hồng T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; anh Lê Văn G xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đặng Thị Hồng T khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Lê Văn G, nơi cư trú: Tổ 9B, Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Đặng Thị Hồng T là nguyên đơn, anh Lê Văn G là bị đơn; quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ thể hiện chị Đặng Thị Hồng T và anh Lê Văn G kết hôn với nhau năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 125 – 01 - 2017, ngày 21/6/2017 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị T xin ly hôn với anh G vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh G cũng cho rằng cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, chị T ghen tuông vô cớ nên vợ chồng hay cự cãi nhau. Nay chị T xin ly hôn thì anh G đồng ý. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Chị T được ly hôn với anh G.

[4]. Về con chung: Chị T và anh G thống nhất có 01 con chung tên là Lê Đăng Thành H, sinh ngày 24/01/2018. Hiện con chung do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ý kiến của chị T và anh G thống nhất, giao cháu H cho chị T chăm sóc,

nuôi dưỡng và anh G không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là ý kiến tự nguyện của đương sự nên ghi nhận. Do đó, giao cháu H cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh G không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị Đặng Thị Hồng T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004879 ngày 03/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 48, 68, 147, 220, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Hồng T được ly hôn anh Lê Văn G.

[2]. Về quan hệ con chung: Chị Đặng Thị Hồng T và anh Lê Văn G có 01 con chung tên là Lê Đăng Thành H, sinh ngày 24/01/2018. Hiện con chung do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Đăng Thành H cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh G không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì

người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Đặng Thị Hồng T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004879 ngày 03/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị Hồng T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn G được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- TAND tỉnh ĐN (01);
- VKSND H.VC (02);
- Chi cục THADS H.VC (01);
- UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (01);
- Lưu hồ sơ, VP (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
(*đã ký tên, đóng dấu*)

Võ Xuân Sơn